



Số: 01396/2025/PKQ (KT/2503.320)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Địa điểm quan trắc: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Ống khói thải lò đốt số 1 công suất 1.000Kg/h
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	24/03/2025
Thời gian thử nghiệm	24/03/2025 – 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 30:2012/ BTNMT
					Giá trị tối đa cho phép
1	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	0,16
2	Tổng hợp các kim loại nặng khác: As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,28	1,2
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,019	1,2
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	50
6	Tổng hydrocacbon (HC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	8,0	50

Ghi chú:

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 2 (Tl), số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện;
- Tổng hydrocacbon bao gồm các chất: n-pentane, n-hexane, n-heptane, n-octane, n-nonane, n-decane;
- KPH: không phát hiện

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hạnh

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01397/2025/PKQ (KT/2503.321)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Địa điểm quan trắc: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Ống khói lò đốt số 2 công suất 1.000K g/h
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	24/03/2025
Thời gian thử nghiệm	24/03/2025 – 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 30:2012/ BTNMT
					Giá trị tối đa cho phép
1	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	0,16
2	Tổng hợp các kim loại nặng khác: As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	1,2
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,018	1,2
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	50
6	Tổng hydrocacbon (HC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	5,8	50

Ghi chú:

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 2 (Tl), số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện;
- Tổng hydrocacbon bao gồm các chất: n-pentane, n-hexane, n-heptane, n-octane, n-nonane, n-decane;
- KPH: không phát hiện

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01392/2025/PKQ (KT/2503.189)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Địa điểm quan trắc: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Ống khói thải lò đốt số 3 công suất 2.000Kg/h
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	17/03/2025
Thời gian thử nghiệm	17/03/2025 -- 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 30:2012/ BTNMT
					Giá trị tối đa cho phép
1	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,018	0,16
2	Tổng hợp các kim loại nặng khác: As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,33	1,2
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,018	1,2
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	50
6	Tổng hydrocacbon (HC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	8,9	50

Ghi chú:

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 2 (Tl), số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện;
- Tổng hydrocacbon bao gồm các chất: n-pentane, n-hexane, n-heptane, n-octane, n-nonane, n-decane;
- KPH: không phát hiện

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

510.01.10 Lần ban hành: 01 Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01393/2025/PKQ (KT/2503.190)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Địa điểm quan trắc: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Ống khói nhiệt phân cao su số 1
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	17/03/2025
Thời gian thử nghiệm	17/03/2025 – 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/ BTNMT
					C _{max}
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	CEECS/02	85	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11,1	160
3	Cacbon oxit, CO ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	299,4	800
4	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	40
5	Hydro Florua (HF)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	16
6	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108: 2010	<2	6
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	400
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	69,1	680

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B : áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p=0,8$ (lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)

+ K_v là hệ số vùng, khu vực; $K_v=1$ (cơ sở thuộc vùng ngoại thành ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 2km)

- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định; KPH: không phát hiện
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 4, 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân



Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025

KẾT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hạnh

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01394/2025/PKQ (KT/2503.191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Địa điểm quan trắc: Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Ống khói nhiệt phân cao su số 2
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	17/03/2025
Thời gian thử nghiệm	17/03/2025 – 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/ BTNMT
					Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	CEECS/02	107	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,4	160
3	Cacbon oxit, CO ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	510,16	800
4	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	40
5	Hydro Florua (HF)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	16
6	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108: 2010	<2	6
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	400
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	89,8	680

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
Cột B : áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p=0,8$ (lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
+ K_v là hệ số vùng, khu vực; $K_v=1$ (cơ sở thuộc vùng ngoại thành ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 2km)

- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định; KPH: không phát hiện
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 4, 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Đ. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI
ThS. Nguyễn Thị Hạnh

510.01.10 Lấn ban hành:01 Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01398/2025/PKQ (KT/2503.322)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Địa điểm quan trắc: thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Tên mẫu	Khí thải hệ thống bóng đèn huỳnh quang
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	24/03/2025
Thời gian thử nghiệm	24/03/2025 – 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/ BTNMT
					Cmax
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,4	160

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B : áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p=0,8$ (lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)

+ K_v là hệ số vùng, khu vực; $K_v=1$ (cơ sở thuộc vùng ngoại thành ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 2km)

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm